

Bản án số: 03/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 23/7/2025

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Vũ Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Hoàn

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng: Ông Nông Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 21/2025/TB-TLVA ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/QĐ – TA ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 09/2025/TB-TA ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Cao Bằng), giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Luân Thị C - sinh năm: 1984.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lương Trung T - sinh năm: 1984.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/04/2025, bản tự khai ngày 05/5/2025 nguyên đơn bà Luân Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lương Trung T kết hôn ngày 13/04/2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh

Cao Bằng (Nay là xã K, tỉnh Cao Bằng). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên là do ông Lương Trung Thiên L vào tệ nạn xã hội – Nghiện ma túy, không hộ vợ nuôi dưỡng con cái, xây dựng gia đình đã thế ông T còn bán hết đồ đạc trong nhà khi bà C cản thì ông T dùng vũ lực đánh bà C chảy máu đầu phải đi khâu 6 mũi tại Trạm y tế xã K, T, Cao Bằng nay là Trạm y tế xã K, tỉnh Cao Bằng. Bà C và ông T sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Hiện bà C đang sống tại nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (Nay là Thôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai). Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 (một) con chung là Lương Đức M – sinh ngày: 17/01/2005 (Giới tính: Nam). Hiện đang sống với bà C tại Thôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai. Con chung Lương Đức M đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2025, con chung Lương Đức M trình bày ý kiến: Trong thời gian chung sống với nhau, ông Lương Trung T dấn vào tệ nạn xã hội sử dụng ma túy. Do nghiện ma túy nên gia đình có bao nhiêu đồ đạc ông T cũng bán hết để lấy tiền sử dụng ma túy. Gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng ông T không nghe vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Đỉnh điểm là khi đồ đạc nhà đã bán gần hết mẹ tôi ngăn cản không cho bán đồ đạc trong nhà nữa thì ông T đe dọa, đánh mẹ tôi là bà C phải đi viện khâu 6 mũi ở đầu. Đến năm 2012 ông T bị đi chấp hành án về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến năm 2023 thì được ra tù. Từ thời gian đó mẹ tôi cũng cắt khẩu chuyển về nhà ông bà ngoại ở Thôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai sống. Nay mẹ tôi làm đơn ly hôn mong Tòa án xem xét giải quyết cho mẹ tôi được ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2025, bà Mã Thị Liên M1 đẻ của ông Lương Trung T cho biết: Về tình trạng hôn nhân giữa chị Luân Thị C với con trai bà là Lương Trung T trên thực tế đã không còn tồn tại, cụ thể: Không nói chuyện, không liên lạc, không chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Giữa Chị C và Lương Trung T chỉ còn tồn tại quan hệ hôn nhân trên giấy tờ. Nên mong tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho chị Lương Thị C1 và con trai bà là Lương Trung T. Về tài sản chung và nợ chung: theo bà L1 được biết thì chị Cúc và T không có tài sản chung, nợ chung. Về thông báo thụ lý 21/2025/TBTL ngày 17 tháng 4 năm 2025 mà ngày 22 tháng 4 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện Thạch An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2-Cao Bằng) tôi đã thông báo lại cho con trai tôi là Lương Trung T. T đã biết về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2025, ông Hoàng Văn D-Trưởng xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Nay là Trưởng xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng) cho

biết: Anh Lương Trung T và chị Luân Thị C trên thực tế chỉ còn tồn tại quan hệ hôn nhân trên giấy tờ. Chị C và anh T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Anh T là người sử dụng ma túy, vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án bị đi cải tạo rất nhiều lần. Khi đó chị C cũng về nhà bố mẹ đẻ ở miền N để sinh sống. Đến năm 2017 chị C cắt hộ khẩu tại xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Nay là xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng). Từ đó không còn thấy chị C xuất hiện ở địa phương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Cao Bằng phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ hay quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại cũng như việc giao nhận, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Thời điểm Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng tổng đạt trực tiếp nhưng bị đơn Lương Trung T không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản và thực hiện niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

** Việc giải quyết vụ án:*

Chị Luân Thị C kết hôn với anh Lương Trung T vào ngày 06/5/2005, hôn nhân có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay là Ủy ban nhân dân xã K). Thời gian đầu sau kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2007 thì tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng khắc phục được do anh Lương Trung T đã nghiện ma túy, không hộ vợ con, bán hết đồ đạc trong nhà, vợ cản không cho bán thì đánh đập vợ. Từ năm 2012 vợ chồng sống ly thân đến nay. Đến năm 2017 chị C cắt hộ khẩu về sống với bố mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể cứu vãn được nên yêu cầu được ly hôn với anh Lương Trung T. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Trung T không có mặt tại địa phương, tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua mẹ anh T là bà Mã Thị L1, sau đó bà L1 đã thông tin cho anh T biết. Ngoài ra, tòa án cũng đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú theo quy định nhưng anh T vẫn không gửi ý kiến đến tòa án. Ngoài ra, kết quả xác minh với ông Hoàng Văn D, trưởng thôn Nậm Nàng, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng về tình trạng hôn nhân của Luân Thị C và Lương Trung T: Tôi là hàng xóm của Lương Trung T và

Luân Thị C. Hôn nhân giữa Lương Trung T và Luân Thị C trên thực tế đã không còn tồn tại, chỉ còn trên giấy tờ. Chị C và anh T đã không còn sống với nhau kể từ năm 2012. Chị C đã cắt hộ khẩu vào miền nam từ năm 2017. Như vậy có thể thấy đến thời điểm hiện tại chị C và anh T đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không thể cứu vãn được.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Luân Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Luân Thị C được ly hôn với ông Lương Trung T.

- Về con chung: Con chung của chị Luân Thị C và anh Lương Trung T đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét.
- Về tài sản chung: Không có, không xem xét.
- Về nợ chung: Không có không xem xét.
- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị Luân Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lương Trung T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T có hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch An nay là (Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng) theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng đã đến tận xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng để tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lương Trung T như: Thông báo thụ lý, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa nhưng thời điểm giao anh Lương Trung T không có mặt tại địa phương không rõ đi đâu làm gì. Tòa án nhân dân khu vực 2- Cao Bằng đã đi xác minh và thực hiện thủ tục niêm yết Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã K, tại xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng và tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng đúng theo quy định tại Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên trong các hoạt động tố tụng của Tòa án anh Lương Trung T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng không thể tiến hành ghi nhận lời khai của anh T, cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Ngày 05/5/2025 chị Luân Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt trong các hoạt động tố tụng của Tòa án bao gồm cả phiên tòa xét xử nên hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn chị Luân Thị C và bị đơn anh Lương Trung T.

[3] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu ly hôn của chị C: Chị C và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 5 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Nay là UBND xã K, tỉnh Cao Bằng) hôn nhân giữa chị Luân Thị C và anh Lương Trung T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng có nghĩa vụ phải chung sống với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm rạn nứt. Nguyên nhân do anh T nghiện ngập, không những không phụ giúp việc nhà lo cho con cái mà còn bán hết đồ đạc trong gia đình để lấy tiền mua ma túy về sử dụng, khi được chị C ngăn cản anh thậm chí còn ra tay đánh chị C. Chị C và anh T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tại bản tự khai của con trai Lương Đức M cũng đã nêu ý kiến rằng: Chị Cúc và anh T đã không còn sống chung với nhau từ lâu. Do anh T nghiện ngập không chăm lo gia đình mà còn bán hết đồ đạc gia đình, khi được chị C ngăn cản anh T đã ra tay đánh chị C. Anh Lương Đức M cũng có ý kiến mong Tòa án xem xét giải quyết cho chị Luân Thị C được ly hôn với anh Lương Trung T.

Biên bản xác minh ngày 14 tháng 5 năm 2025 với mẹ đẻ của anh T, xác nhận: Những văn bản tòa án tổng đạt trực tiếp mà bà nhận thay bà đã thông báo đến anh T nhưng anh T vẫn không đến Tòa giải quyết khi được triệu tập. Bà cũng khẳng định rằng quan hệ hôn nhân giữa chị C và T thực tế đã không tồn tại, chỉ còn tồn tại trên giấy tờ nên mong Tòa án xem xét giải quyết cho chị C ly hôn với anh T.

Biên bản xác minh ngày 14/5/2025, ông Hoàng Văn D-Trưởng xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Nay là Trưởng xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng) cho biết: chị C và anh T đã sống ly thân từ lâu, chị C cũng đã cắt hộ khẩu tại xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng từ năm 2017, từ đó không thấy chị C về đây lần nào. Hiện chị C và Anh T chỉ còn tồn tại quan hệ hôn nhân trên giấy tờ.

Căn cứ từ những biên bản xác minh trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Anh Lương Trung T đã được thông báo, triệu tập đến Tòa án nhiều lần để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải, đoàn tụ nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh Lương Trung T không còn tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh T trầm trọng, đời sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

yêu cầu của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị C và anh T có 01 (một) con chung là Lương Đức M – sinh ngày: 17/01/2025 (Giới tính: Nam). Hiện đang sống với bà C tại Thôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai. Con chung Lương Đức M đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Luân Thị C khai giữa chị và anh Lương Trung T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên chưa có ý kiến của anh Lương Trung T nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết. Nếu sau ly hôn có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Luân Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm cho yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Luân Thị C; Chị Luân Thị C được ly hôn với anh Lương Trung T.

1.2. Về con chung: Lương Đức M – sinh ngày: 17/01/2025 (Giới tính: Nam) đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết

2. Về án phí: Chị Luân Thị C phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nộp vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002143 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Cao Bằng). Xác nhận chị C đã nộp đủ án phí.

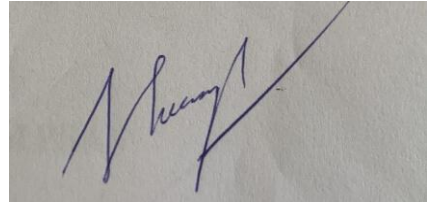
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 2 – Cao Bằng;
- Phòng chỉ cục THADS khu vực 2-Cao Bằng;
- UBND xã Kim Đồng, tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



Phan Vũ Hoàng

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Cao Bằng;	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
- VKSND tỉnh Cao Bằng;	
- VKSND khu vực 2 – Cao Bằng;	
- Phòng chỉ cức THADS khu vực 2-Cao Bằng;	
- UBND xã Kim Đồng, tỉnh Cao Bằng;	
- Đương sự	
- Lưu hồ sơ.	

Phan Vũ Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA